

Số: 230 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 22 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt các khu vực không đấu giá
quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2325/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 3999/BTNMT-ĐCKS ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo thăm dò nâng cấp trữ lượng trong diện tích đã được cấp phép khai thác thuộc các mỏ đá bazan tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 7040/BTNMT-ĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò nâng cấp trữ lượng khu vực đã được cấp phép khai thác đá granit làm ốp lát tại tỉnh Gia Lai.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 1281/TTr-STNMT ngày 10 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 06 khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác trước ngày Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011), đã thăm dò nâng cấp trữ lượng và phê duyệt trữ lượng khoáng sản, gồm:

- Đá bazan ốp lát: 01 khu vực mỏ;

- Đá granít ốp lát: 02 khu vực mỏ;
 - Đá bazan xây dựng: 03 khu vực mỏ.
- (có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Các khu vực đã được quy định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Điều 1 của Quyết định này:

1. Sau khi các tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh cấp phép khai thác, nếu có nhu cầu gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép khai để khai thác hết trữ lượng khoáng sản còn lại thì phần trữ lượng khoáng sản này tiếp tục được quy định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Khi giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 58 của Luật Khoáng sản mà chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản được phép khai thác thì phần trữ lượng khoáng sản này sẽ thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định, trừ trường hợp pháp luật khoáng sản có quy định khác; tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm hoàn trả chi phí thăm dò cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò đối với phần trữ lượng khoáng sản này theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Chi cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Kông Chro, Chư Pưh, Chư Sê và Đak Đoa; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh Ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục ĐCKS Miền Trung;
- Đ/c Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VP, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kpã Thuyên



Phụ lục:
DANH SÁCH CÁC KHU VỰC KHÔNG ĐÀU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC
KHOẢNG SÀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
 Quyết định số: 230 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực mỏ	Diện tích (ha)	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiều 3 ⁰		Trữ lượng, tài nguyên
				X (m)	Y (m)	
01	Đá bazan ộp lát	Xã Kông Yang, huyện Kông Chro	4,0	1529.092	0504.601	- Đá bazan ộp lát cấp 122: 115.000 m ³ ; - Trữ lượng đá bazan làm VLXD thông thường cấp 122: 58.000 m ³ .
				1529.257	0504.699	
				1529.215	0504.870	
02	Đá granit ộp lát	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	5,0	1492.769	0470.494	- Đá granit ộp lát cấp 122+333 là 212.982 m ³ , trong đó: + Cấp 122: 116.999 m ³ . + Cấp 333: 95.983 m ³ . - Đá granit làm VLXD thông thường cấp 122: 426.679 m ³
				1492.901	0470.697	
				1492.737	0470.814	
03	Đá granit ộp lát	Xã Ia Phang, huyện Chư Pưh	6,294	1493.781	0468.024	Đá granit ộp lát cấp 122+333 là 396.372 m ³ , trong đó: - Cấp 122: 228.949 m ³ . - Cấp 333: 167.423 m ³ .
				1493.907	0468.163	
				1493.907	0468.342	
04	Đá bazan xây dựng	Xã Ia Pal, huyện Chư Sê	9,7	1509.853	0460.717	Đá bazan làm VLXD thông thường cấp 121+122: 1.110.721 m ³ , trong đó: - Cấp 121: 1.069.777 m ³ . - Cấp 122: 40.944 m ³ .
				1510.145	0460.870	
				1510.030	0461.135	
05	Đá bazan xây dựng	Xã Hbông, huyện Chư Sê	9,54	1499.633	0470.210	- Đá bazan làm VLXD thông thường cấp 121: 122.318 m ³ .
				1499.633	0470.444	
				1499.633	0470.444	

Số TT	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực mỏ	Diện tích (ha)	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiếu 3 ⁰		Trữ lượng, tài nguyên
				X (m)	Y (m)	
06	Đá bazan xây dựng	Xã H'Nol, huyện Đak Đoa	4,86	1499.227	0470.444	- Đá bazan cục tận dụng làm đá trang lát cấp 121: 16.051 m ³ .
				1499.227	0470.210	- Đá bazan làm VLXD thông thường cấp 121+122: 211.522 m ³ , trong đó:
				1539.426	0469.572	+ Cấp 121: 190.192 m ³ .
				1539.641	0469.577	+ Cấp 122: 21.330 m ³ .
				1539.668	0469.682	- Đá bazan trụ tận dụng làm đá trang lát cấp 121+122: 12.775 m ³ , trong đó:
				1539.663	0469.788	+ Cấp 121: 10.520 m ³ .
1539.381	0469.737	+ Cấp 122: 2.255 m ³ .				